

NGÂN HÀNG PHÁT TRIỂN CHÂU Á THÔNG TIN TÓM TẮT CỦA THÀNH VIÊN



Việt Nam: Cam kết năm 2021 (triệu USD)^a

Loại sản phẩm	Chính phủ	Không cần bảo lãnh	Tổng	Ứng phó COVID-19
Khoản vay	58,00	184,50	242,50	-
Viện trợ	2,00	0,75	2,75	-
Hỗ trợ kỹ thuật ^b	12,85	1,46	14,31	2,37
Chương trình Tài trợ thương mại và chuỗi cung ứng ^c	-	662,89	662,89	662,89
Tổng	72,85	849,60	922,45	665,26

- = không có số liệu, COVID-19 = bệnh do vi-rút corona, DMC = quốc gia thành viên đang phát triển, HTKT = hỗ trợ kỹ thuật

Ghi chú:

Cam kết là tài trợ đã được Ban Giám đốc Điều hành hoặc Ban Quản lý ADB phê duyệt, với thỏa thuận pháp lý đã được ký bởi bên vay, bên tiếp nhận, hoặc công ty nhận đầu tư và ADB.

Viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật đã bao gồm đồng tài trợ do ADB quản lý.

^a Tổng số có thể không khớp do làm tròn số.

^b Vốn tài trợ cho các dự án HTKT với phạm vi khu vực được phân bổ cho các quốc gia thành viên đang phát triển cụ thể khi có sẵn số liệu chi tiết.

^c Các cam kết do ADB tài trợ từ các chương trình cho khu vực tư nhân, trong đó 599,48 triệu USD là vốn ngắn hạn (với thời hạn ít hơn 365 ngày).

Hỗ trợ của ADB cho Việt Nam tập trung vào hỗ trợ phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID-19 và tạo ra một nền kinh tế bền vững và thích ứng khí hậu, do khu vực tư nhân dẫn dắt.

VIỆT NAM

Trước thời điểm đại dịch vi-rút corona (COVID-19), tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm của Việt Nam đạt trung bình 6,3% trong giai đoạn từ 2010-2019, do được thúc đẩy bởi hoạt động đầu tư, tiêu dùng nội địa bùng nổ, tầng lớp trung lưu ngày càng tăng và hoạt động sản xuất định hướng xuất khẩu. Việt Nam đã an toàn vượt qua tác động của đại dịch COVID-19 trong năm 2020 và duy trì tăng trưởng ở mức 2,9%, thuộc nhóm tăng trưởng cao nhất ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương. Tuy nhiên, số ca nhiễm COVID-19 tăng cao do biến thể Delta trong năm 2021 đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế, làm giảm mức tăng trưởng của năm 2021 xuống còn 2,6%. Tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội được dự báo đạt 6,5% trong năm 2022 và 6,7% trong năm 2023—một sự phục hồi có thể đạt được nhờ tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19 cao của Việt Nam, sự chuyển đổi sang cách tiếp cận ngăn chặn đại dịch linh hoạt hơn, gia tăng thương mại và chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ Việt Nam.

Việt Nam là một trong những thành viên sáng lập của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) vào năm 1966. Kể từ đó, ADB đã hỗ trợ Việt Nam đạt được những thành tựu về giảm nghèo và gần đây đã giúp định hướng các biện pháp nhằm tăng tính bao trùm của việc cung cấp cơ sở hạ tầng và dịch vụ, cải thiện tính bền vững về môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu.

Tới nay, ADB đã cam kết 456 khoản vay, viện trợ và hỗ trợ kỹ thuật cho khu vực công của Việt Nam với tổng giá trị là 16,5 tỉ USD. Tổng giá trị giải ngân lũy kế các khoản vay và viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam là 11,96 tỉ USD, được tài trợ từ nguồn vốn vay thông thường và nguồn vốn thông thường ưu đãi, Quỹ Phát triển Châu Á, và các quỹ đặc biệt khác. Danh mục dự án đang hoạt động theo kênh tài trợ chính phủ của ADB tại Việt Nam bao gồm 35 khoản vay và ba khoản viện trợ trị giá 3,62 tỉ USD.¹

Việt Nam: Lũy kế các cam kết^{a, b, c, d}

Lĩnh vực	Số dự án	Tổng giá trị (triệu USD) ^e	% Tổng giá trị (triệu USD) ^e	Ứng phó COVID-19 (triệu USD) ^e
Dự án và Hỗ trợ kỹ thuật	577	17.687,66	75,18	17,58
Nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên và phát triển nông thôn	105	1.844,64	7,84	0,13
Giáo dục	44	1.116,90	4,75	-
Năng lượng	63	2.934,83	12,47	-
Tài chính	61	1.261,73	5,36	5,33
Y tế	44	762,11	3,24	11,83
Công nghiệp và thương mại	16	202,43	0,86	0,07
Công nghệ thông tin và truyền thông	-	0,59	0,00	-
Đa ngành	7	154,30	0,66	-
Quản lý khu vực công	87	1.824,26	7,75	0,06
Giao thông	92	5.980,99	25,42	0,05
Nước và các dịch vụ và hạ tầng đô thị khác	58	1.604,87	6,82	0,11
Chương trình Tài trợ thương mại và chuỗi cung ứng^f	17.847	5.838,22	24,82	1.188,64
Tài chính	10.204	3.250,56	13,82	925,77
Công nghiệp và thương mại	7.643	2.587,67	11,00	262,88
Tổng	18.424	23.525,88	100,00	1.206,23

- = không có số liệu, 0.00 = nhỏ hơn 0.005%, COVID-19 = bệnh do vi-rút corona, DMC = quốc gia thành viên đang phát triển, HTKT = hỗ trợ kỹ thuật

^a Viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật đã bao gồm đồng tài trợ do ADB quản lý.

^b Bao gồm các khoản vay, viện trợ không hoàn lại, đầu tư cổ phần, hỗ trợ kỹ thuật và các chương trình cho khu vực tư nhân.

^c Sử dụng lĩnh vực chính yếu trong báo cáo số cam kết

^d Từ năm 2020, vốn tài trợ cho các dự án HTKT với phạm vi khu vực được phân bổ cho các quốc gia thành viên đang phát triển cụ thể khi có sẵn số liệu chi tiết.

^e Tổng số có thể không khớp do làm tròn số.

^f Các cam kết do ADB tài trợ từ các chương trình cho khu vực tư nhân, trong đó 5,62 tỉ USD là vốn ngắn hạn (với thời hạn ít hơn 365 ngày).

¹ Danh mục theo kênh tài trợ chính phủ bao gồm các khoản vay, viện trợ, đầu tư cổ phần và bảo lãnh chính phủ đã cam kết và chưa khóa số tài chính. Các dự án vùng với các khoản vay/ viện trợ cho nhiều quốc gia được báo cáo riêng rẽ.



Danh mục dự kiến theo kênh tài trợ chính phủ của ADB cho Việt Nam giai đoạn 2022–2024 bao gồm 19 dự án với tổng giá trị ước tính là 3,37 tỉ USD. ADB tiếp tục hỗ trợ Việt Nam thoát khỏi đại dịch COVID-19, tăng cường giao thông và phát triển đô thị, cải thiện tính kết nối ở nông thôn, và giảm tình trạng nghèo khổ ở các vùng sâu, vùng xa của đồng bào dân tộc thiểu số. ADB sẽ hỗ trợ cải thiện khả năng tiếp cận giáo dục chất lượng và an ninh y tế, thích ứng biến đổi khí hậu và bền vững môi trường, cũng như hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế khu vực và toàn cầu.

Trong năm 2021, ADB đã cam kết **khoản vay trị giá 58 triệu USD** để nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông và nguồn nước, cũng như cải thiện khả năng tiếp cận dữ liệu thời tiết và khí hậu đáng tin cậy tại các tỉnh Bình Định và Quảng Nam, thuộc vùng duyên hải Nam Trung Bộ của Việt Nam. Dự án sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội đồng đều cho khoảng 243.000 người, trong đó có 126.300 người dân tộc thiểu số.

Nhằm hỗ trợ Ngân hàng Quốc tế Việt Nam tăng cường phạm vi cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa do phụ nữ lãnh đạo được tiếp cận tín dụng ngân hàng, ADB đã cung cấp khoản **viện trợ kỹ thuật 0,5 triệu USD** vào năm 2021, được tài trợ từ Sáng kiến Tài trợ cho các Nữ doanh nhân. ADB cũng cung cấp hỗ trợ cho các quan hệ đối tác công tư, thúc đẩy sự phát triển của khu vực tư nhân và đẩy mạnh cải cách các doanh nghiệp nhà nước thông qua **hỗ trợ kỹ thuật trị giá 4,6 triệu USD**, do các Chính phủ Ô-x-trây-li-a và Ca-na-đa tài trợ.

Hoạt động hỗ trợ không cần bảo lãnh. Tổng dư nợ và cam kết chưa giải ngân từ các giao dịch không cần bảo lãnh của ADB tại Việt Nam là 1,26 tỉ USD tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021, chiếm 8,99% tổng danh mục đầu tư cho khu vực tư nhân của ADB.

Những thách thức trong hoạt động. Đại dịch COVID-19 kéo dài với sự xuất hiện của những biến thể mới đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế và làm giảm tiềm năng tăng trưởng của quốc gia. Do đó, ADB sẽ ưu tiên hỗ trợ công cuộc phục hồi kinh tế của Việt Nam. Việt Nam cũng phải đối mặt với tác động ngày càng nghiêm trọng của biến đổi khí hậu. Để ứng phó điều này, ADB hợp tác chặt chẽ với các tổ chức khác nhằm hỗ trợ chính phủ khắc phục thiệt hại sau thiên tai. ADB cũng hợp tác với Ngân hàng Thế giới và Chính phủ Hà Lan trong một chương trình phát triển cơ sở hạ tầng chống chịu biến đổi khí hậu ở Đồng bằng sông Cửu Long.

Chính phủ Việt Nam đã nỗ lực cải thiện khung pháp lý về quản lý nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA). Một số trở ngại vẫn còn và tiếp tục làm chậm quá trình xử lý dự án và giải ngân khoản vay của ADB. Để giải quyết những vấn đề này, ADB và các đối tác phát triển khác tiếp tục đối thoại với chính phủ nhằm hợp lý hóa các quy trình lập kế hoạch đầu tư trung hạn, đẩy nhanh giải ngân theo nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi, đồng thời tăng cường năng lực đấu thầu mua sắm.

HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ TRI THỨC

Sau khi tham vấn với các cơ quan chính phủ, ADB đã hoàn thành một đánh giá nhu cầu tri thức toàn diện vào năm 2021 để hiểu rõ hơn về nhu cầu và ưu tiên của quốc gia đối với hỗ trợ tri thức của ADB. Đây là một phần trong quá trình xây dựng Kế hoạch Tri thức quốc gia của ADB dành cho Việt Nam cho giai đoạn sắp tới. Các giải pháp tri thức sẽ được cung cấp để cải

Việt Nam: Tỷ lệ các hợp đồng mua sắm đối với các dự án vốn vay, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật

Hạng mục	Hàng hóa, xây lắp và các dịch vụ liên quan	
	Giá trị (triệu USD)	% trong tổng số
2020	378,33	1,65
2021	343,08	2,20
Lũy kế (tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021)	8.006,56	3,45

Hạng mục	Dịch vụ tư vấn	
	Giá trị (triệu USD)	% trong tổng số
2020	21,59	2,95
2021	11,98	1,72
Lũy kế (tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021)	203,12	1,37

Hạng mục	Tổng giá trị mua sắm	
	Giá trị (triệu USD)	% trong tổng số
2020	399,92	1,69
2021	355,06	2,18
Lũy kế (tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021)	8.209,68	3,32

Năm nhà thầu/nhà cung cấp lớn nhất tại Việt Nam tham gia các hợp đồng mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ liên quan trong các dự án vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB, từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2021

Nhà thầu/Nhà cung cấp	Lĩnh vực	Trị giá hợp đồng (triệu USD)
Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Xây dựng 36	EDU	86,82
Tổng Công ty xây dựng Công trình giao thông	TRA	64,67
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng BMT	TRA	41,18
Công ty TNHH Đại Phú Thịnh	WUS	32,98
Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	ENE	29,15
Khác		1.522,83
Tổng cộng		1.777,63

EDU = giáo dục, ENE = năng lượng, TRA = giao thông, WUS = nước và các dịch vụ và hạ tầng đô thị khác.

Năm nhà tư vấn lớn nhất tại Việt Nam tham gia các hợp đồng dịch vụ tư vấn trong các dự án vốn vay, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật của ADB, từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2021

Tư vấn	Lĩnh vực	Trị giá hợp đồng (triệu USD)
Viện Quản lý và Phát triển Châu Á	ANR, EDU, PSM, WUS	5,40
Công ty quốc tế Black & Veatch	WUS	4,23
Công ty Đầu tư xây dựng Thành Công	EDU	2,65
Trung tâm Phát triển Sáng kiến Cộng đồng và Môi trường	ANR	2,49
Freshfields Bruckhaus Deringer (Việt Nam)	FIN, MUL	1,63
Tư vấn cá nhân		8,86
Các tư vấn khác		42,12
Tổng cộng		67,38

ANR = nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên và phát triển nông thôn; EDU = giáo dục; FIN = tài chính; MUL = đa ngành; PSM = quản lý khu vực công; WUS = nước và các dịch vụ và hạ tầng đô thị khác.

Việt Nam: Các cam kết không cần bảo lãnh từ nguồn vốn vay thông thường theo hình thức tài trợ

	2021	2017–2021
Số giao dịch đã ký kết (OCR)	6	14
Số giao dịch đã ký kết (chương trình)	2.555	12.585
	Giá trị (triệu USD)	
Khoản vay	184,50	557,30
Đầu tư cổ phần	-	20,00
Bảo lãnh	-	-
Chứng khoán nợ	-	-
Chương trình Tài trợ thương mại và chuỗi cung ứng và Chương trình Tài chính vi mô	662,89	3.242,05
Tổng cộng	847,39	3.819,35

- = không có số liệu; OCR = nguồn vốn vay thông thường.

thiện việc xây dựng chính sách, tăng cường năng lực của các bên hữu quan, đồng thời nâng cao nhận thức và thông tin dựa trên bằng chứng.

Trong bối cảnh đại dịch COVID-19, ADB phối hợp với các cơ quan chính phủ đã đưa ra những báo cáo đánh giá tác động của đại dịch đối với đất nước, bao gồm Chuyển đổi số để phục hồi kinh tế Việt Nam sau đại dịch, Đánh giá đại dịch COVID-19 đối với thu nhập và việc làm tại Việt Nam, và Phân tích các giải pháp ứng phó tài khóa trước đại dịch COVID-19 ở Châu Á với tác động chính sách cho Việt Nam.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC TÀI TRỢ

Quan hệ đối tác tài trợ cho phép các chính phủ đối tác của ADB hoặc các cơ quan của họ, các tổ chức đa phương và các tổ chức tư nhân tham gia vào những dự án của ADB. Nguồn vốn bổ sung này có thể dưới dạng các khoản cho vay và viện trợ không hoàn lại, hỗ trợ kỹ thuật và đồng tài trợ không cần bảo lãnh chính phủ.

Các cam kết đồng tài trợ lũy kế ở Việt Nam:

- Đồng tài trợ theo kênh chính phủ: 4,59 tỉ USD cho 61 dự án đầu tư và 134,22 triệu USD cho 97 dự án hỗ trợ kỹ thuật kể từ năm 1972
- Đồng tài trợ không có bảo lãnh chính phủ: 11,92 tỉ USD cho 13 dự án đầu tư kể từ năm 1998

Năm 2021, Việt Nam nhận được khoản viện trợ không hoàn lại trị giá 2 triệu USD từ Quỹ Công nghệ cấp cao cho Dự án Cơ sở hạ tầng đồng đều thích ứng biến đổi khí hậu cho các dân tộc thiểu số Giai đoạn I.

Bảng tóm tắt các dự án đồng tài trợ từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2021 có sẵn tại địa chỉ www.adb.org/countries/vietnam/cofinancing.

CÁC ĐỊNH HƯỚNG TƯƠNG LAI

ADB hiện đang chuẩn bị chiến lược đối tác quốc gia để hỗ trợ Việt Nam trong giai đoạn 2023–2026. Ngân hàng đã xác định một danh mục đề xuất dự án then chốt cho giai đoạn 2022–2024, sử dụng các phương thức tài trợ đáp ứng hơn và cân nhắc các ưu tiên của Việt Nam cho công cuộc phục hồi sau đại dịch trong trung và dài hạn. Phương pháp tiếp cận tích hợp giữa tài trợ theo kênh chính phủ, tài trợ tư nhân và hỗ trợ tri thức của ADB nhằm hỗ trợ các lĩnh vực ưu tiên trong Kế hoạch Phát triển kinh tế - xã hội của chính phủ giai đoạn 2021–2025, tập trung vào tăng trưởng đồng đều; phát triển khu vực tư nhân; phục hồi xanh và thích ứng khí hậu; và một xã hội có khả năng chống chịu biến đổi khí hậu, thiên tai và đại dịch.

ADB sẽ đa dạng hóa các hoạt động theo kênh chính phủ của mình tại Việt Nam từ cấp trung ương đến cấp tỉnh như một phương thức hữu hiệu để tiếp cận các khu vực của đất nước bị bỏ lại phía sau và tạo ra các giải pháp tổng hợp cho những thách thức phát triển của địa phương. ADB sẽ duy trì sự tham gia của mình vào các dự án quốc gia lớn được chính phủ ưu tiên trong giai đoạn 2022–2024.

Việt Nam: Chỉ số chất lượng thực hiện danh mục đầu tư các khoản vay và viện trợ không hoàn lại do chính phủ bảo lãnh, giai đoạn 2020–2021

Số lượng các khoản vay đang được thực hiện ^a (tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021)		
	2020 (triệu USD)	2021 (triệu USD)
Trao thầu ^{b, c}	309,63	363,02
Giải ngân ^b	361,61	272,13
Số lượng các khoản viện trợ không hoàn lại đang được thực hiện ^{a, d} (tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021)		
	2020 (triệu USD)	2021 (triệu USD)
Trao thầu ^{b, c, d}	–	2,94
Giải ngân ^{b, d}	2,60	0,35
Tỉ lệ dự án có nguy cơ (%) (tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021)	30	

– = không có số liệu.

^a Dựa trên các cam kết.

^b Bao gồm các khoản vay/viện trợ đã đóng song có trao thầu hoặc giải ngân trong năm thống kê.

^c Không tính các khoản vay và viện trợ chính sách, dựa trên kết quả, trung gian tài chính/tín dụng, CPRO (Giải pháp ứng phó đại dịch COVID-19), và đồng tài trợ.

^d Chỉ bao gồm nguồn vốn từ Quỹ Phát triển Châu Á và các quỹ đặc biệt khác của ADB.

Việt Nam: Kết quả đánh giá độc lập đối với các hoạt động có và không có bảo lãnh của chính phủ, 2012–2021

	Tổng số dự án và chương trình được đánh giá và xác thực	Xếp loại đánh giá		
		Thành công cao và thành công	Dưới mức thành công	Không thành công
Có bảo lãnh của chính phủ	51	38	13	–
Không có bảo lãnh	3	2	–	1

– = không có số liệu, IED = Vu Đánh giá độc lập

Lưu ý: Số liệu thể hiện số các hoạt động có và không có bảo lãnh của chính phủ tại Việt Nam đã được xác thực hoặc đánh giá bởi IED và xếp hạng hiệu quả tổng thể của chúng. Phạm vi bao gồm tất cả các báo cáo hoàn thành dự án đã được đánh giá hoặc xác thực và các báo cáo đánh giá hàng năm mở rộng do ADB công bố trong giai đoạn 10 năm từ ngày 1 tháng 7 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2021. Xem các đánh giá liên quan tới Việt Nam.

Nguồn: Cơ sở dữ liệu tỷ lệ thành công của IED.

Việt Nam: Các dự án đồng tài trợ, từ 1 tháng 1 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2021

Đồng tài trợ	Số dự án	Giá trị (triệu USD)
Có bảo lãnh của chính phủ	19	780,27
Khoản vay	2	724,02
Viện trợ không hoàn lại	9	30,03
Hỗ trợ kỹ thuật	8	26,22
Không có bảo lãnh	12	6.654,27

TỔNG QUAN VỀ ADB

ADB cam kết đạt tới một khu vực Châu Á và Thái Bình Dương thịnh vượng, bao trùm, thích ứng và bền vững, trong khi duy trì nỗ lực xóa nghèo cùng cực. ADB có 68 thành viên, trong đó có 49 thành viên trong khu vực Châu Á và Thái Bình Dương và 19 thành viên ngoài khu vực. ADB có trụ sở chính tại Manila, Phi-líp-pin và có 43 văn phòng trên khắp thế giới, với 3.693 nhân viên từ 65 quốc gia thành viên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2021.

ADB tối đa hóa tác động phát triển của hỗ trợ dành cho các thành viên đang phát triển bằng cách cung cấp những giải pháp tài chính và tri thức được điều chỉnh phù hợp thông qua đối thoại chính sách và các dịch vụ tư vấn, bên cạnh những hoạt động khác. ADB huy động nguồn tài chính thông qua đồng tài trợ từ các nguồn chính thức, thương mại và tín dụng xuất khẩu.

ADB đã nhanh chóng chuyển hướng để đáp ứng nhu cầu của các thành viên đang phát triển và sẽ tiếp tục duy trì sự nhạy bén và đáp ứng trong những năm tới. Những dấu hiệu của việc phục hồi xanh đã bắt đầu được nhận thấy, nhưng tác động lâu dài của đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu và sự bùng nổ xung đột vẫn đe dọa cuộc sống và sự thịnh vượng. ADB sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các thành viên và đối tác phát triển vượt qua những thách thức này để đạt được một tương lai tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người ở Châu Á và Thái Bình Dương.

Hoạt động của ADB. Trong năm 2021, ADB đã cam kết 22,8 tỉ USD cho các khoản vay, viện trợ không hoàn lại, đầu tư cổ phần, các chương trình phát triển khu vực tư nhân, và hỗ trợ kỹ thuật cho cả khu vực nhà nước và tư nhân của các bên vay là thành viên của ngân hàng. ADB đã tăng cường tổng hỗ trợ của mình với khoản đồng tài trợ trị giá 12,9 tỉ USD.

Tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021, tổng cam kết lũy kế của ADB tại 45 quốc gia là 342 tỉ USD cho 4.061 khoản vay, 11,7 tỉ USD cho 521 khoản viện trợ không hoàn lại, và 5,2 tỉ USD viện trợ hỗ trợ kỹ thuật, gồm cả viện trợ hỗ trợ kỹ thuật vùng.

Bên cạnh các khoản vay, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật, ADB sử dụng các khoản bảo lãnh và đầu tư cổ phần để hỗ trợ các quốc gia thành viên đang phát triển.

Tổng cam kết trong các khoản vay và đầu tư cổ phần không cần bảo lãnh từ các quỹ riêng của ADB trong năm 2021 lên tới 1,2 tỉ USD cho 35 giao dịch ở các lĩnh vực cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội, tài chính và kinh doanh nông nghiệp.

Trong năm 2021, ADB đã huy động 1,7 tỉ USD đồng tài trợ dự án dài hạn và 5,8 tỉ USD đồng tài trợ thông qua Chương trình Tài trợ thương mại và chuỗi cung ứng và Chương trình Tài chính vi mô. Tổng dư nợ và cam kết chưa giải ngân của các giao dịch không cần bảo lãnh từ nguồn vốn riêng của ADB đạt 14 tỉ USD tính tới ngày 31 tháng 12 năm 2021.

QUAN HỆ ĐỐI TÁC TÀI TRỢ

Tổng cam kết đồng tài trợ cho khu vực chính phủ và tư nhân, năm 2021

- 12,93 tỉ USD cho 187 dự án, trong đó:
 - » 12,38 tỉ USD cho 75 dự án đầu tư,
 - » 134,67 triệu USD cho 110 dự án hỗ trợ kỹ thuật,
 - » 422,87 triệu USD cho dịch vụ tư vấn giao dịch cho 2 dự án.

Lũy kế cam kết đồng tài trợ cho khu vực chính phủ và tư nhân, 1970–2021

- 140,43 tỉ USD cho 3.165 dự án, trong đó:
 - » 136,6 tỉ USD cho 1.098 dự án đầu tư,
 - » 2,8 tỉ USD cho 2.061 dự án hỗ trợ kỹ thuật,
 - » 1,07 tỉ USD cho dịch vụ tư vấn giao dịch cho 6 dự án.

HOẠT ĐỘNG MUA SẮM

Các hợp đồng mua sắm của ADB, năm 2021

Hàng hóa, xây lắp và các dịch vụ liên quan

Các hợp đồng mua sắm hàng hóa, xây lắp và dịch vụ liên quan của ADB ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương trong phạm vi các khoản vay và viện trợ không hoàn lại:

- 22,93 tỉ USD trong năm 2020
- 15,6 tỉ USD trong năm 2021
- 232,16 tỉ USD cho 225.336 hợp đồng, lũy kế mua sắm kể từ năm 1966

Dịch vụ tư vấn

Các hợp đồng mua sắm dịch vụ tư vấn của ADB ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương trong phạm vi các khoản vay, viện trợ không hoàn lại và hỗ trợ kỹ thuật:

- 730,78 triệu USD trong năm 2020
- 697,03 triệu USD trong năm 2021
- 14,86 tỉ USD cho 71.348 hợp đồng, lũy kế mua sắm kể từ năm 1966

THÔNG TIN THÊM VỀ VIỆT NAM VÀ ADB

Cổ phần và quyền bỏ phiếu

Cổ phần nắm giữ: 36.228 (0,34% tổng số cổ phần)
Số phiếu bầu: 75.342 (0,57% trong tổng số thành viên, 0,87% trong tổng số thành viên của khu vực)

*Tổng vốn đăng ký góp: 507,04 triệu USD
*Số vốn đã đóng góp: 32,9 triệu USD

* Các số liệu bằng đồng đô-la Mỹ được định giá tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Thống đốc của Việt Nam tại ADB: Nguyễn Thị Hồng

Thống đốc phụ khuyết của Việt Nam tại ADB: Phạm Thanh Hà

Giám đốc điều hành đại diện Việt Nam tại ADB: Kisun Bang (Hàn Quốc)

Giám đốc điều hành phụ khuyết đại diện cho Việt Nam tại ADB: Yu-Peng (James) Tseng (Đài Bắc, Trung Hoa)

Hội nghị thường niên

Hà Nội, phiên họp thường niên lần thứ 44, ngày 5–6 tháng 5 năm 2011

LIÊN HỆ

Cơ quan Đại diện Thường trú tại Việt Nam

Năm thành lập: 1997

Giám đốc quốc gia: Andrew Jeffries

Ngân hàng Phát triển Châu Á
Tầng 3, Tòa nhà CornerStone
16 Phan Chu Trinh Street
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel +84 24 39331374
Fax +84 24 39331373
adbvrm@adb.org
www.adb.org/countries/viet-nam

Trụ sở chính của ADB

6 ADB Avenue, Mandaluyong City
1550 Metro Manila, Phi-líp-pin
Tel: +63 2 8632 4444
Fax: +63 2 8636 2444
www.adb.org

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

25 Lý Thường Kiệt
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Tel +84 24 39343364
Fax +84 24 38250612
adbdivision@sbv.gov.vn
www.sbv.gov.vn

Các địa chỉ trang web hữu ích của ADB

Ngân hàng Phát triển Châu Á
www.adb.org

Báo cáo thường niên

www.adb.org/documents/series/adb-annual-reports

Triển vọng Phát triển Châu Á

www.adb.org/publications/series/asian-development-outlook

Thư viện lưu trữ của ADB

data.adb.org

Lưu ý: (i) Các số liệu do ADB ước tính trừ trường hợp trích dẫn nguồn khác. "USD" có nghĩa là đô-la Mỹ. (ii) Số liệu cập nhật tới ngày 31 tháng 12 năm 2021 trừ trường hợp có ghi chú khác. (iii) ADB công nhận cách viết "Vietnam" trong tiếng Anh để chỉ Việt Nam.